

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HS-ST
Ngày 10/3/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mây và Bà Vi Thị Hương

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Lê Văn Chứ, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 10/3/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2023/TLST-HS ngày 16/02/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HS ngày 24/02/2023. Đối với bị cáo:

Giàng A P, sinh năm 1930. Tên gọi khác: Không.

Quê quán: Xã Xà Hồ, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái

Nơi ĐKKHKT: Bản Ôn, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.
Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Tin lành. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Con ông: Giàng A S (Đã chết) và bà: Phàng Thị M (Đã chết). Vợ Phàng Thị C, sinh năm 1930. Bị cáo có 04 con lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1999.

Tiền án, Tiền sự không:

Bị cáo bị tạm giữ ngày 22/11/2022, chuyển tạm giam ngày 28/11/2022 tại nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hà Văn K – Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh số 1, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ, ngày 22/11/2022, tại khu vực bản Ôn, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, bị cáo Giàng A P, sinh năm 1930, trú tại Bản Ôn, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa bị Tổ công tác Đoàn Biên phòng Tam Chung - Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Thanh Hóa bắt quả tang về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma

túy”. Tang vật thu giữ trong túi vải màu đen của bị cáo đang đeo trên người là 01 bọc nylon màu đen chứa 01 cục dạng nén màu trắng; kiểm tra mũ len của bị cáo đang đội trên đầu, Tổ công tác thu giữ 01 bọc nylon màu trắng, bên trong đựng chất dẻo màu nâu đen, bị cáo khai nhận đó là ma túy hêrôin và thuốc phiện, bị cáo khai nhận tàng trữ mục đích để sử dụng cho bản thân.

Nguồn gốc số ma túy nêu trên bị cáo khai nhận như sau: Khoảng 10 giờ ngày 22/11/2022, bị cáo đi bộ từ nhà của bị cáo đến khu vực Cột mốc biên giới 270 Việt Nam - Lào, thuộc khu vực bản Ón, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa để tìm mua ma túy sử dụng. Tại đây, bị cáo gặp một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết, bị cáo hỏi và đưa cho người này số tiền là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) để mua ma túy, trong đó bị cáo mua 20.000đ (Hai mươi nghìn đồng) ma túy loại Hêrôine và mua 80.000đ (Tám mươi nghìn đồng) ma túy thuốc phiện. Mua được ma túy, bị cáo cất Hêrôin vào túi vải màu đen đang đeo trên người, còn thuốc phiện thì cất ở mũ len đội trên đầu. Sau đó bị cáo đi bộ về nhà, trên đường đi về thì bị Tổ công tác Đồn biên phòng Tam Chung kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy và 01 túi vải.

Tại bản kết luận giám định số: 4113/KL-KTHS ngày 24/11/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Các cục dạng nén màu trắng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng là 0,049g (Không thấy không bốn chín gam) loại: Hêrôine.

- Chất dẻo màu nâu đen của phong bì niêm phong gửi giám định là thuốc phiện, có tổng khối lượng 7,035g (Bảy phẩy không ba năm gam).

Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Bản cáo trạng số: 15/CT-VKS-ML ngày 15/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Giàng A P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thái độ ăn năn hối cải, bị cáo là người đủ 70 tuổi trở lên. Bị cáo khẳng định không ai xúi giục hay ép buộc nhận tội thay người khác, nên Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Tuyên, bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điều 38; điểm s, điểm o khoản 1 Điều 51; Điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS;

Xử phạt bị cáo từ **14** đến **16** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, vì bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp, đã hết tuổi lao động, gia đình là hộ nghèo, nên không có tính khả thi.

Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Miễn án phí HSST cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận, trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, bị cáo khai, biết rõ hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật và bị Nhà Nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy, không kìm chế được nên đã cố tình đi tìm mua ma túy về sử dụng cho bản thân, ngoài ra không có mục đích nào khác. Bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Quan điểm của người bào chữa: Người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo. Đề nghị HĐXX xử mức án từ 12-14 tháng tù là phù hợp, tạo điều kiện để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, vì bị cáo tuổi đã cao và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, miễn án phí cho bị cáo, vì bị cáo đã hết tuổi lao động, gia đình thuộc diện hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Bị cáo nhận tội, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, đồng ý với lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS.

Lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định: Bị cáo mua 0,049g (Không phải không bốn chín gam) loại: Hêrôine và 7,035g (Bảy phẩy không ba năm gam) thuốc phiện, mục đích để sử dụng cho bản thân.

Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Hêrôine so với mức tối thiểu đối với Hêrôine được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS là 0,98% (0,049gam so với 5gam)

Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của nhựa thuốc phiện so với mức tối thiểu đối với nhựa thuốc phiện được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 249 BLHS là 1,407% (7,035gam so với 500gam).

Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của Hêrôine và nhựa thuốc phiện là 2,387% (0,98% + 1,407%); Dưới 100%.

Với tính chất vụ án, hành vi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự Nước CHXHCN Việt Nam, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, vì bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết chất ma túy là chất gây nghiện, bị pháp luật nghiêm cấm, khi người sử dụng sẽ phải phụ thuộc hoàn toàn vào ma túy, ma túy còn hủy hoại thể chất, tinh thần và đồng thời cũng có thể là tác nhân phát sinh những tội phạm khác, nhưng bị cáo vẫn cố ý Tàng trữ với mục đích sử dụng cho bản thân; hành vi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền về chất ma túy của Nhà nước, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người đủ 70 tuổi trở lên, là người nghiện chất ma túy lâu năm; vì vậy, cần áp dụng điểm s, điểm o khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên HĐXX sẽ cân nhắc để xem xét khi quyết định hình phạt.

[5]. Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian cai nghiện chất ma túy và để răn đe, phòng ngừa chung. Đề nghị của đại diện viện kiểm sát Mường Lát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, về khối lượng ma túy thu giữ, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 BLHS “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ.....”. Nhưng xét bị cáo làm nương rẫy, hết độ tuổi lao động, gia đình thuộc diện hộ nghèo, lại là người nghiện ma túy, nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[7]. Xét về xử lý vật chứng: Đối với số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng của vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu tiêu hủy.

01 túi vải màu đen, đã qua sử dụng, đây là công cụ, dụng cụ phạm tội và không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[8]. Xét về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, là người đủ 70 tuổi trở lên, gia đình thuộc diện hộ nghèo, nên được miễn tiền án phí HSST và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9]. Các nhận định khác: Bị cáo khai, người phụ nữ lạ mặt không quen biết, bán ma túy cho bị cáo. Cơ quan CSĐT không có căn cứ để xác minh làm rõ vì bị cáo không biết tên, tuổi và địa chỉ của những người này.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 38; Điều 50; Điểm s, điểm o khoản 1 Điều 51; Điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Giàng A P** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Hình phạt: Xử phạt Bị cáo **Giàng A P 14** (Mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (22/11/2022).

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Về tang vật: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Phong bì niêm phong mẫu vật còn lại sau giám định do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành sau giám định, mặt trước ghi vụ Đoàn Biên phòng Tam Chung TC04 ngày 23/11/2022, mặt sau được dán kín, niêm phong bởi chữ ký ghi rõ họ tên của Lê Minh Tiến, Nguyễn Trần Đăng, Cút Văn Thi và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự làm giáp lai.

Tịch thu tiêu hủy 01 túi vải màu đen, đã qua sử dụng

Vật chứng, hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Lát, theo Quyết định chuyển vật chứng số: 15/QĐ-VKS-ML ngày 15/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Biên bản giao nhận vật chứng số: 36/2023/TV-CCTHADS ngày 16/02/2023 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên miễn tiền án phí HSST cho bị cáo Giàng A P

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai, có mặt bị cáo và người bào chữa cho bị cáo; Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H. Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT Công an H. Mường Lát;
- Nhà tạm – Công an H. Mường Lát;
- CQ THAHS
- Bộ phận Hồ sơ Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Tam Chung, huyện Mường Lát;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Tiến Dũng

